

Số:/TB-UBND

Đồng Hới, ngày ... tháng ... năm 2026

THÔNG BÁO

**Thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị HADALAND Bảo Ninh Green City tại
phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (thông báo lại lần 2)**

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đình chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 50/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực đất đai được quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị HADALAND Bảo Ninh Green City, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận nhà đầu tư (Cấp lần đầu ngày 07 tháng 6 năm 2022);

Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu đô thị HADALAND Bảo Ninh Green City;

Căn cứ Thông báo số 117/TB-UBND ngày 28 tháng 04 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Hới về chủ trương thu hồi đất để GPMB thực hiện dự án Khu đô thị HADALAND Bảo Ninh Green City (đợt 1);

Căn cứ Thông báo số 223/TB-UBND ngày 27/6/2025 của UBND thành phố Đồng Hới về việc thu hồi đất để GPMB thực hiện dự án Khu đô thị HADALAND Bảo Ninh Green City (đợt 1);

Căn cứ Trích đo chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất và Thống kê kết quả chỉnh lý địa chính Dự án Khu đô thị HADALAND Bảo Ninh Green City (Đợt 1) được Sở Tài nguyên và Môi trường ký duyệt ngày 21/02/2023; Trích đo chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất và Thống kê kết quả chỉnh lý địa chính - Điều chỉnh, bổ sung (Đợt 1) Dự án Khu đô thị HADALAND Bảo Ninh Green City được Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt ngày 11/6/2025.

Căn cứ Tờ trình số 803/TTr-HDL ngày 03/8/2026 của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển HADALAND về việc đề nghị thông báo thu hồi đất để GPMB thực hiện dự án Khu đô thị HADALAND Bảo Ninh Green City tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (Thông báo lại lần 1) và Tờ trình số 2833/TTr-KTHT&ĐT ngày 14/8/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

Sau khi rà soát hồ sơ dự án, kết quả thực hiện Thông báo số 223/TB-UBND ngày 27/6/2025 của UBND thành phố Đồng Hới, căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 85 của Luật Đất đai năm 2024, điểm c khoản 13 Điều 3 Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội, điểm c khoản 2 Điều 13 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 28 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trong đó quy định việc ban hành lại thông báo thu hồi đất khi thông báo đã hết hiệu lực mà chưa ban hành quyết định thu hồi đất, Chủ tịch UBND phường Đồng Hới ban hành lại thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu đô thị HADALAND BẢO NINH GREENCITY, cụ thể như sau:

1. Lý do thông báo thu hồi đất: Thông báo số 223/TB-UBND ngày 27/6/2025 của UBND thành phố Đồng Hới đã hết hiệu lực 12 tháng nhưng chưa ban hành quyết định thu hồi đất. Việc ban hành lại thông báo được thực hiện theo khoản 5 Điều 85 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ.

2. Chủ sử dụng đất, diện tích, vị trí khu đất dự kiến thu hồi

a) Chủ sử dụng, vị trí, diện tích đất bị thu hồi cụ thể được xác định theo *Trích đo chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất và Thống kê kết quả chỉnh lý địa chính Dự án Khu đô thị HADALAND Bảo Ninh Green City (Đợt 1) được Sở Tài nguyên và Môi trường ký duyệt ngày 21/02/2023; Trích đo chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất và Thống kê kết quả chỉnh lý địa chính - Điều chỉnh, bổ sung (Đợt 1) Dự án Khu đô thị HADALAND Bảo Ninh Green City được Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt ngày 11/6/2025.*

b) Tổng diện tích đất thu hồi: 164.145,5 m² (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tư nghìn, một trăm bốn mươi lăm phẩy năm mét vuông*). Trong đó:

- Tổng diện tích đất hộ gia đình, cá nhân: 9.549,9 m²
- + Diện tích đất hộ gia đình cá nhân sử dụng nằm trong phạm vi quy hoạch: 9.549,9 m² đất trồng cây hằng năm khác (HNK), đất trồng cây lâu năm (CLN).
- Tổng diện tích đất tổ chức sử dụng: 61.784,0 m²
- + Diện tích đất tổ chức sử dụng nằm trong phạm vi quy hoạch: 61.784,0 m² đất trồng cây hằng năm khác (HNK), đất rừng sản xuất (RSX).
- Tổng diện tích đất tổ chức quản lý: 92.811,6 m²
- + Diện tích đất tổ chức quản lý đất nằm trong phạm vi quy hoạch: 92.811,6 m² đất công trình giao thông (DGT), đất rừng sản xuất (RSX), đất bằng chưa sử dụng (BCS), đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt (NTD).

(Có danh sách cụ thể kèm theo)

3. Tiến độ thu hồi đất: Thực hiện theo quy định tại Điều 85 Luật Đất đai năm 2024 và theo tiến độ của dự án đầu tư hoặc theo tiến độ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

4. Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; kế hoạch di dời người dân khỏi khu vực thu hồi đất; kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo trong trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất theo quy định.

Các kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và các bước công việc đã thực hiện theo Thông báo số 223/TB-UBND ngày 27/6/2025 của UBND thành phố Đồng Hới được tiếp tục sử dụng sau khi được rà soát, xác nhận còn phù hợp với phạm vi dự án, hiện trạng quản lý, sử dụng đất, hồ sơ địa chính và đối tượng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại thời điểm ban hành lại Thông báo này.

5. Tổ chức thực hiện

a) Văn phòng HĐND và UBND phường Đồng Hới chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh gửi thông báo đến người có đất thu hồi, người

được giao quản lý đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và các tổ chức, cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có); đồng thời thực hiện niêm yết thông báo thu hồi đất và danh sách người có đất thu hồi tại trụ sở UBND phường Đồng Hới và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai; thông tin cho người có đất thu hồi, người đang quản lý, sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản và các tổ chức, cá nhân có liên quan về việc giữ nguyên hiện trạng khu đất; việc tạo lập tài sản, trồng cây hoặc thực hiện hoạt động làm thay đổi hiện trạng sau thời điểm thông báo thu hồi đất được xử lý theo quy định của pháp luật và không làm phát sinh quyền được bồi thường nếu không đủ điều kiện.

b) Văn phòng HĐND và UBND phường đăng tải thông báo thu hồi đất trên Trang thông tin điện tử của phường trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kể từ ngày thông báo thu hồi đất được ban hành để nhân dân được biết.

c) Người có đất thu hồi, người được giao quản lý đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, UBND phường Đồng Hới và các đơn vị liên quan thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, kiểm đếm tài sản gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

d) Thông báo thu hồi đất có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng tính từ ngày ban hành.

Chủ tịch UBND phường Đồng Hới thông báo để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trong khu vực và các cơ quan, đơn vị liên quan biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND phường;
- Các phòng: KTHT&ĐT, VP HĐND và UBND phường;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực VI;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh;
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển HADALAND ;
- Tổ chức, người có đất bị thu hồi, tài sản bị ảnh hưởng;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thăng Long

DANH SÁCH BAN HÀNH THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT**Dự án khu đô thị HADALAND BẢO NINH GREENCITY**

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /8/2026 của Chủ tịch UBND
phường Đồng Hới)

TT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Tờ BĐĐC cũ	Tờ BĐĐC mới	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Diện tích trong phạm vi quy hoạch		Diện tích ngoài phạm vi quy hoạch đề nghị thu hồi (m ²)	Ghi chú
						Diện tích (m ²)	Loại đất		
I	Hộ gia đình, cá nhân				9.549,9	9.549,9		0,0	
1	Hoàng Thị Hạnh - Hoàng Thị Chanh - Hoàng Thị Luân - Hoàng Thị Tắc	20	64	295	223,2	223,2	CLN		
2	Lê Thị Thu Hường	20	64	277	249,6	249,6	HNK		
3	Phạm Sắc Long Trịnh Thị Thùy Linh	17	65	6(2)	1.142,3	1.142,3	CLN		
4	Hoàng Viêt Nâng - Hoàng Thị Lục	17	65	4	459,6	459,6	HNK		
5	Phan Thanh Bình - Nguyễn Thị Hoi	17	65	102	1.951,8	1.951,8	HNK		
6	Ông Hoàng Muôn (Là người đại diện của những người thừa kế gồm: bà Hoàng Thị Hổ, bà Hoàng Thị Huệ, ông Hoàng Tấn Quốc, ông Hoàng Tấn Kỳ, ông Hoàng Tấn Hiếu, ông Hoàng Trung Kiên và những người thừa kế khác (nếu có) quyền sử dụng đất của ông, bà Hoàng Giò - Trương Thị Ron (đã chết) theo quy định pháp luật).	17	65	26	2.066,8	2.066,8	HNK		
7	Hồ Thị Hường - Nguyễn Thị Lan Hương - Nguyễn Quốc Cường - Nguyễn Mạnh Thế	17	65	28	1.574,0	1.574,0	HNK		
8	Nguyễn Tiến Dũng - Trần Thị Ái Hương	21	72	44	499,6	499,6	HNK		
9	Nguyễn Bảo Ngọc	18	73	6	1.383,0	1.383,0	HNK		

II	Tổ chức sử dụng				61.784,0	61.784,0		0,0	
1	Ban quản lý rừng phòng hộ Nhật Lệ	60	20	74(1)	3.109,4	3.109,4	RSX		
				74(5)	1.924,4	1.924,4	RSX		
				74(8)	938,7	938,7	RSX		
				74(9)	2.572,8	2.572,8	RSX		
				74(11)	244,4	244,4	RSX		
				74(13)	2.870,7	2.870,7	RSX		
		18	73	4(1)	3.283,9	3.283,9	RSX		
		18	73	7(4)	1.173,4	1.173,4	RSX		
		18	73	2	332,5	332,5	RSX		
		60	20	438(1)	6.268,9	6.268,9	RSX		
		18	73	3	947,1	947,1	RSX		
2	UBND phường Đồng Hới	60	20	71	25.383,5	25.383,5	CLN		
		18	73	8	1.519,2	1.519,2	HNK		
		21	72	41	211,7	211,7	HNK		
		21	72	171	74,4	74,4	HNK		
		18	73	4(2)	18,3	18,3	HNK		
		18	73	5(1)	1.441,5	1.441,5	HNK		
		21	72	166	2.222,7	2.222,7	HNK		
		21	72	167(3)	2.107,4	2.107,4	HNK		
		60	20	536(3)	1.203,7	1.203,7	HNK		
		60	20	536(4)	621,8	621,8	HNK		
		60	20	536(5)	741,1	741,1	HNK		
		60	20	536(6)	226,4	226,4	HNK		
		60	20	536(1)	1.309,5	1.309,5	HNK		
		21	72	20(3)	412,7	412,7	HNK		
		60	20	536(2)	623,9	623,9	HNK		

III	Tổ chức quản lý đất				92.811,6	92.811,6			
1	UBND phường Đồng Hới	60	20	74(12)	1.270,1	1.270,1	RSX		
		20	64	87(6)	58,2	58,2	DGT		
		20	64	61	485,0	485,0	DGT		
		20	64	297	29,6	29,6	BCS		
		20	64	160	119,1	119,1	NTD		
		20	64	85(2)	208,9	208,9	DGT		
		20	64	87(3)	10,8	10,8	DGT		
		20	64	87(4)	9,1	9,1	DGT		
		20	64	87(5)	152,1	152,1	DGT		
		17	65	92(1)	102,9	102,9	DGT		
		17	65	91(1)	59,6	59,6	DGT		
		17	65	93	502,2	502,2	DGT		
		17	65	90(3)	749,8	749,8	DGT		
		17	65	89(1)	89,5	89,5	DGT		
		17	65	6(1)	38,6	38,6	DGT		
		60	20	70(3)	15.783,7	15.783,7	NTD		
				70(5)	26,5	26,5	NTD		
				70(6)	96,5	96,5	NTD		
				70(7)	26,8	26,8	NTD		
				70(8)	24,2	24,2	NTD		
				70(9)	45,7	45,7	NTD		
				70(10)	39,1	39,1	NTD		
				70(11)	24,2	24,2	NTD		
				70(12)	129,1	129,1	NTD		
				70(13)	27,2	27,2	NTD		
				70(14)	72,9	72,9	NTD		
				70(15)	6,6	6,6	NTD		
				70(16)	136,4	136,4	NTD		
				70(17)	35,1	35,1	NTD		

1	UBND phường Đồng Hới	60	20	70(18)	544,4	544,4	NTD		
				70(19)	16,2	16,2	NTD		
				70(20)	43,3	43,3	NTD		
				70(21)	24,6	24,6	NTD		
				70(22)	9,3	9,3	NTD		
				70(23)	39,7	39,7	NTD		
				70(24)	232,6	232,6	NTD		
				70(25)	81,9	81,9	NTD		
				70(26)	148,9	148,9	NTD		
				70(27)	98,0	98,0	NTD		
				70(28)	62,7	62,7	NTD		
				70(29)	76,3	76,3	NTD		
				70(30)	59,9	59,9	NTD		
				70(31)	26,7	26,7	NTD		
				70(32)	77,1	77,1	NTD		
				70(33)	351,8	351,8	NTD		
				70(34)	145,2	145,2	NTD		
				70(35)	46,8	46,8	NTD		
				70(36)	4,8	4,8	NTD		
				70(37)	137,7	137,7	NTD		
				70(38)	14,4	14,4	NTD		
				70(39)	437,5	437,5	NTD		
				70(40)	358,3	358,3	NTD		
				70(41)	17,1	17,1	NTD		
				70(42)	293,5	293,5	NTD		
				70(43)	54,4	54,4	NTD		
				70(44)	24,0	24,0	NTD		
				70(45)	161,4	161,4	NTD		
				70(46)	144,2	144,2	NTD		

1	UBND phường Đồng Hới	60	20	70(47)	11,2	11,2	NTD		
				70(48)	229,9	229,9	NTD		
				70(49)	22,4	22,4	NTD		
				70(50)	12,2	12,2	NTD		
				70(51)	52,2	52,2	NTD		
				70(52)	7,6	7,6	NTD		
				70(53)	125,8	125,8	NTD		
				70(54)	9,0	9,0	NTD		
				70(55)	86,7	86,7	NTD		
				70(56)	186,8	186,8	NTD		
				70(57)	200,5	200,5	NTD		
				70(58)	155,8	155,8	NTD		
				70(59)	5,4	5,4	NTD		
				70(60)	15,3	15,3	NTD		
				70(61)	6,0	6,0	NTD		
				70(62)	14,5	14,5	NTD		
				70(63)	111,9	111,9	NTD		
				70(64)	763,0	763,0	NTD		
				70(65)	93,8	93,8	NTD		
				70(66)	218,1	218,1	NTD		
				70(67)	23,9	23,9	NTD		
				70(68)	222,9	222,9	NTD		
				70(69)	1.027,6	1.027,6	NTD		
				70(70)	454,4	454,4	NTD		
				70(71)	3.742,6	3.742,6	NTD		
				74(2)	1.770,0	1.770,0	DGT		
				74(6)	112,6	112,6	NTD		
				75(2)	2.875,0	2.875,0	DGT		
				75(3)	468,9	468,9	DGT		
				75(4)	859,9	859,9	RSX		

		60	20	75(5)	26,7	26,7	RSX		
		60	20	75(6)	76,9	76,9	RSX		
		21	72	40(3)	37,3	37,3	DGT		
		21	72	40(4)	40,6	40,6	DGT		
		18	73	1	1.875,5	1.875,5	DGT		
		18	73	10	522,5	522,5	BCS		
		60	20	69(1)	3.081,5	3.081,5	NTD		
				167(9)	40.891,9	40.891,9	RSX		
				167(14)	2.349,0	2.349,0	RSX		
				167(15)	2.396,6	2.396,6	RSX		
				167(16)	112,7	112,7	NTD		
				167(17)	23,5	23,5	NTD		
				167(18)	42,1	42,1	NTD		
				167(19)	1,4	1,4	NTD		
				167(20)	3,3	3,3	NTD		
				74(4)	3.352,0	3.352,0	RSX		
	Cộng				164.145,5	164.145,5		0,0	